

Số: 11502/CT-TTHT
V/v Miễn giảm thuế TNCN đối
với chuyên gia nước ngoài thực
hiện dự án ODA.

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Kính gửi: Công ty Cổ phần Colas Rail TC gói thầu số HPLML-CPO7
(Địa chỉ: P. 801, Tầng 8, tòa nhà Capital, Số 109 Trần Hưng Đạo, P. Cửa Nam,
Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội. MST: 0107338338)

Trả lời công văn số CSR-MLT-00035-18-V ngày 05/03/2018 của Công ty Cổ phần Colas Rail TC gói thầu số HPLML-CPO7 (sau đây gọi tắt là Công ty) hỏi về việc miễn thuế cho chuyên gia nước ngoài, Cục thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân hướng dẫn:

+ Tại Điều 1 hướng dẫn về người nộp thuế:

1. “Người nộp thuế là cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú theo quy định tại Điều 2 Luật Thuế thu nhập cá nhân, Điều 2 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân (sau đây gọi tắt là Nghị định số 65/2013/NĐ-CP), có thu nhập chịu thuế theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP...”

- Căn cứ Quy chế Chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA (Ban hành kèm theo Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ) quy định:

+ Tại Điều 1 quy định đối tượng và phạm vi áp dụng:

“1. Quy chế này áp dụng cho đối tượng là chuyên gia nước ngoài tham gia quản lý và thực hiện các chương trình, dự án ODA tại Việt Nam và thành viên gia đình của họ.

Quy chế này áp dụng đối với các chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)...”

+ Tại Điều 3 hướng dẫn một số từ ngữ sử dụng trong Quy chế này được hiểu như sau:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

Một số từ ngữ sử dụng trong Quy chế này được hiểu như sau:

...
2. “Bên nước ngoài” (Nhà tài trợ vốn ODA) bao gồm: Chính phủ nước ngoài, các tổ chức tài trợ song phương và các tổ chức liên quốc gia hoặc liên Chính phủ cung cấp vốn ODA cho Bên Việt Nam để thực hiện các chương trình, dự án tại Việt Nam.

3. “*Bên Việt Nam*” bao gồm: Các cơ quan quản lý nhà nước về ODA; các cơ quan chủ quản chương trình, dự án ODA; các chủ chương trình, dự án ODA và các Ban quản lý chương trình, dự án ODA...”

+ Tại Khoản 5 Điều 3 quy định về chuyên gia nước ngoài:

“5. “*Chuyên gia nước ngoài*” (sau đây gọi tắt là *chuyên gia*) là người không có quốc tịch Việt Nam vào Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn về chuyên môn và kỹ thuật hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác phục vụ cho công tác nghiên cứu, xây dựng, thẩm định, theo dõi đánh giá, quản lý và thực hiện chương trình, dự án ODA theo quy định hay thỏa thuận trong các Điều ước quốc tế về ODA đã ký kết giữa cơ quan có thẩm quyền của Bên Việt Nam và Bên nước ngoài...”

+ Tại Khoản 2 Điều 7 quy định về miễn thuế thu nhập:

“Trong thời gian công tác tại Việt Nam, chuyên gia nước ngoài được miễn thuế TNCN đối với các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công thực hiện chương trình, dự án ODA”

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-KHĐT-BTC ngày 25/05/2010 giữa Bộ Kế hoạch và đầu tư và Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn quy chế chuyên gia của nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA ban hành kèm theo quyết định số 119/2009/QĐ- TTG ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng chính phủ:

+ Tại khoản 1, Điều 3 hướng dẫn hồ sơ xác nhận chuyên gia:

“1. *Hồ sơ xác nhận chuyên gia*:

...

- *Văn bản chấp thuận của Bên Việt Nam và Bên nước ngoài trong trường hợp có sự thay đổi và bổ sung so với danh sách chuyên gia, tư vấn trong tài liệu đấu thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt...*”

+ Tại Điều 4 hướng dẫn thủ tục, hồ sơ miễn thuế Thu nhập cá nhân và thời hạn giải quyết của cơ quan thuế:

“1. Tùy từng trường hợp Chuyên gia ký hợp đồng với Chủ dự án hay với nhà thầu (công ty) mà Chủ dự án hoặc nhà thầu (công ty) gửi hồ sơ đề nghị miễn thuế Thu nhập cá nhân cho Chuyên gia đến cơ quan thuế địa phương nơi đặt trụ sở của mình. Hồ sơ bao gồm:

- Công văn đề nghị của Chủ dự án hoặc của nhà thầu (công ty) đề nghị miễn thuế Thu nhập cá nhân đối với Chuyên gia.

- Xác nhận của Cơ quan chủ quản về việc Chuyên gia đáp ứng đủ điều kiện về ưu đãi và miễn trừ theo Mẫu số 1 kèm theo Thông tư này.

- Các tài liệu liên quan đến thu nhập được miễn thuế của Chuyên gia (hợp đồng, chứng từ chi trả thu nhập,...).

2. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm 1 nêu trên, Cơ quan thuế cấp Xác nhận miễn thuế Thu nhập cá nhân cho Chuyên gia theo Mẫu số 2 kèm theo Thông tư này”

- Căn cứ Công văn số 1272/TCT-TNCN ngày 04/04/2017 của Tổng cục Thuế hướng dẫn về việc miễn thuế TNCN đối với chuyên gia nước ngoài thực hiện dự án ODA.

Căn cứ hướng dẫn trên, trường hợp Bên nước ngoài hoặc Nhà thầu (Công ty) tuyển chọn và ký hợp đồng với chuyên gia nước ngoài mà chuyên gia nước ngoài thuộc danh sách trong tài liệu đấu thầu của Nhà thầu (Công ty) trên cơ sở kết quả đấu thầu được các cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện chương trình dự ODA tại Việt Nam thì các chuyên gia nước ngoài nêu trên được miễn thuế TNCN đối với các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công thực hiện chương trình, dự án ODA trong thời gian công tác tại Việt Nam.

Đối chuyên gia nước ngoài được tuyển chọn và ký hợp đồng với Nhà thầu (Công ty) để thực hiện chương trình, dự ODA tại Việt Nam nhưng không thuộc danh sách trong tài liệu đấu thầu; Để đảm bảo điều kiện được miễn thuế TNCN tại Việt Nam, thì các chuyên gia nước ngoài nêu trên phải có văn bản chấp thuận của Bên Việt Nam và Bên nước ngoài về việc: *Các chuyên gia nước ngoài của Công ty (nhà thầu chính) là chuyên gia được thay đổi, bổ sung so với danh sách chuyên gia nước ngoài trong tài liệu đấu thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.*

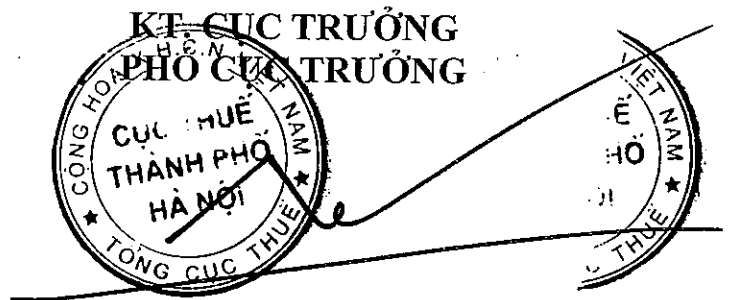
Thủ tục hồ sơ miễn thuế Thu nhập cá nhân đối với chuyên gia nước ngoài được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-KHĐT-BTC ngày 25/05/2010 nêu trên.

Trường hợp còn vướng mắc đề nghị Công ty liên hệ với phòng Kiểm tra thuế số 1 để được hướng dẫn.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty được biết và thực hiện. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Kiểm tra thuế số 1;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, HTTT(2). (6,3)



Mai Sơn